

BÀI 33　アンナさんにあげます
ANNA-SAN NI AGEMASU

健太 Kenta	これは、僕が富士山で撮った写真です。 KORE WA, BOKU GA FUJISAN DE TOTTA SHASHIN DESU.	Đây là bức ảnh anh chụp ở núi Phú Sĩ.
アンナ Anna	あっ、私だ。 A', WATASHI DA.	Ơ, đó là em!
健太 Kenta	驚いた？あとで、アンナさんにあげます。 ODOROITA? ATODE, ANNA-SAN NI AGEMASU.	Em ngạc nhiên không? Sau này, anh sẽ tặng cho Anna.
アンナ Anna	写真をくれるんですか。うれしいです。 SHASHIN O KURERU N DESU KA? URESHII DESU.	Anh sẽ tặng bức ảnh cho em à? Vui quá ạ!



Mẫu ngữ pháp



① AGEMASU

◈ Khi người nói đưa một vật gì đó cho người nghe, người nói dùng AGEMASU (đưa cho/tặng cho).

AGEMASU cũng được dùng để chỉ hành động chung chung là đưa cho người khác cái gì đó.



② KUREMASU

◈ Khi ai đó đưa cho bạn cái gì, bạn dùng KUREMASU (đưa cho/tặng cho).

◈ Trong tiếng Nhật, sử dụng các động từ khác nhau tùy thuộc vào việc đang đứng ở vị trí người cho hay người nhận.

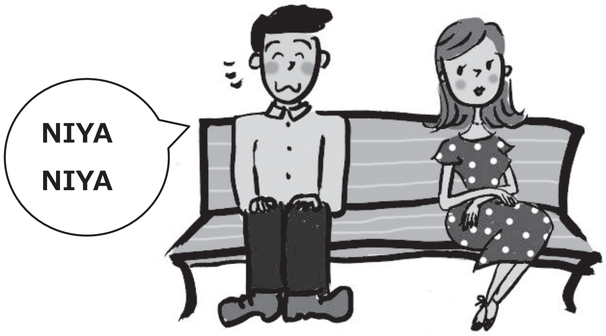
KUREMASU
⇒ KUREMASHITA (Thể quá khứ)
⇒ KURERU (Thể từ điển)



Từ tượng thanh và tượng hình



Từ miêu tả việc mỉm cười tươi



Từ miêu tả việc cười ngượng ngùng, bẽn lẽn